TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA KAR** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST Ngày 22/12/2023 *"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Xuân Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Nik Êban.

2. Ông Nguyễn Thế Hằng.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hà Hương – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 389/2023/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

-***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993. Nơi cư trú: thôn T, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Chỗ ở hiện nay: số 66/20 đường B, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh: vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

-***Bị đơn*****:** Anh Trương Văn B (tên gọi khác H), sinh năm 1990. Nơi cư trú: thôn T, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ghi ngày 12/10/2023, bản tự khai ngày 26/10/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và Trương Văn B kết hôn với nhau vào ngày 05/10/2015, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài, đến năm 2022 mâu thuẫn vợ

chồng gay gắt. Do đó, từ tháng 8/2023 tôi đã chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, làm giáo viên mẫu giáo mầm non và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, anh B thường xuyên chơi bài bạc về xúc phạm chửi bới tôi và coi thường gia đình tôi.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục hàn gắn nên tôi khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Trương Văn B.

Về con chung: Vợ chồng sinh được 01(một) con chung là Trương Quỳnh A, sinh ngày 29/02/2016. Kể từ thời điểm vợ chồng sống ly thân, con chung do tôi nuôi dưỡng. Vì vậy, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Trương Quỳnh A và không yêu cầu anh B trợ cấp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 06/11/2023, cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Trương Văn B trình bày:

Thừa nhận, tôi và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau vào ngày 05/10/2015, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương.

Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, kéo dài, gia đình đã phân tích hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và một số vấn đề khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, nay chị H cương quyết xin ly hôn thì tôi cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng sinh được 01 (một) con chung là Trương Quỳnh A, sinh ngày 29/02/2016. Nguyện vọng nếu chị H cho con chung ăn học ở thành phố Hồ Chí Minh thì tôi đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, còn đưa con về nhà ở X, huyện K thì tôi yêu cầu được nuôi con chung Trương Quỳnh A và không yêu cầu chị H cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trương Văn B; về con chung: giao con chung là Trương Quỳnh A, sinh ngày 29/02/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về quan hệ tranh chấp và thủ tục tố tụng:***

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị H là có căn cứ phù hợp khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Trương Văn B và yêu cầu giải quyết về việc nuôi con chung. Đây là quan hệ *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] ***Về nội dung:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xét lời khai của các đương sự và tài liệu trong hồ sơ vụ án, xác định: Chị Nguyễn Thị H và anh Trương Văn B tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 05/10/2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và được cấp giấy chứng nhận kết hôn lưu hồ sơ vụ án nên hôn nhân giữa chị H và anh B là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa và kết quả xác minh tại chính quyền nơi cư trú xác định: chị H và anh B chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, kéo dài không thể hàn gắn. Theo lời khai của chị H do không duy trì được cuộc sống chung nên từ tháng 8/2023 chị H đã chuyển vào sinh sống và làm giáo viên mầm non tại phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không có sự chia sẻ, thiếu tôn trọng lẫn nhau. Như vậy, xét thấy: từ việc mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, không thể hàn gắn, mặc dù đã được gia đình phân tích, động viên nhưng không thành, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, anh B chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đối với anh Trương Văn B là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

-*Về con chung:* Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Trương Văn B đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là Trương Quỳnh A, sinh ngày 29/02/2016. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét về điều kiện của chị H: Căn cứ vào xác nhận của Trường Mầm non T thuộc quận B, thành phố Hồ Chí Minh, xác định chị Nguyễn Thị H là giáo viên có mức thu

nhập là 8.546.000đ (tám triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn đồng). Như vậy, xác định: chị H có công việc và mức thu nhập ổn định.

Đối với anh Trương Văn B: tại phiên tòa, anh B cho rằng đang làm nghề nhận thầu xây dựng, có mức thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) nhưng không có tài liệu nào chứng minh.

Như vậy, hiện nay chị H đang sinh sống cùng với con chung tại phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với yêu cầu của anh B. Hơn nữa, nguyện vọng của con chung Trương Quỳnh A là được sống với mẹ là chị H. Con chung là nữ, còn nhỏ rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ.

Do đó, xét về điều kiện mọi mặt và để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của con chung, căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: giao con chung là Trương Quỳnh A, sinh ngày 29/02/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Trương Văn B cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Anh Trương Văn B được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Tuy nhiên, anh Trương Văn B không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[3] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do bà Nguyễn Thị H1 nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000036 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trương Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung là Trương Quỳnh A, sinh ngày 29/02/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Anh Trương Văn B được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Tuy nhiên, anh Trương Văn B không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000[đ] (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000[đ] (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do bà Nguyễn Thị H1 nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000036 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú. Bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Xuân Chiến

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar.
-Chi cục THADS huyện K.
-UBND xã X, huyện K,
tỉnh Đắk Lắk
-Các đương sự;
-Lưu HS, VP.